

S. P Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 6 năm 1970

Đền xin được phép tái định cư theo chương trình H.O.

Bangkok Thailand

Kính gửi
Ông Giám đốc Chương trình O.A.P.

Tôi ký tên dưới đây:

- Họ và tên : NGUYỄN - VĂN - BỐ
- Năm sinh : 1932
- Nơi sinh : Saigon
- Họ và địa chỉ hiện tại : Luân Đôn
- Địa chỉ thường trú : 245/32 Bến Chương Dương Quận 1 TP Hồ-Chí-Minh.

Tại gia hạn 1975:

- Cảnh sát Viên thuộc Cảnh sát Quốc gia từ 22-4-1968

- Đền vì phục vụ : Cảnh sát Quân 5 Saigon
- Đã theo học : Khóa huấn luyện III Chu. Bàn Kinh Bắc.

Ở gia hạn đầu 1975:

- Học tập cải tạo : 03 ngày trên tháng 05-1975

Đã lần trong tờ đơn thành cầu Ông Giám đốc cứu xét cấp nhân cho tôi và vợ con tôi có tên dưới đây được phép tái định cư theo chương trình O.A.P. (H.O) tự nguyện chính trị:

- Họ và tên vợ : Nguyễn - Thị - Gái sinh năm 1946
- Họ và tên các con :
 - 1 - Nguyễn - Thị - Anh Đào sinh năm 1969
 - 2 - Nguyễn - Hùng - Đức - 1970
 - 3 - Nguyễn - Trung - Hiếu - 1976

Kính xin Ông Giám đốc cấp nhân và nhận xét này để thành bình trình của tôi.

Đã viết đến:

Nguyễn - Văn - Bố.

Hồ sơ định tên:

- 1. Giấy chứng nhận từ học tập cải tạo
- 1. Giấy chứng nhận thi học khóa huấn luyện III Căn Bản Tỉnh lỵ
- 1. Giấy nổi lệnh
- 1. Giấy từ và lệnh
- 1. Giấy chứng nhận học khóa huấn luyện III
- 1. Giấy khai sinh H. Nguyễn - vợ - Đỗ
- 1. Giấy khai sinh và H. Nguyễn - Thi - Gai 1946
- 1. Giấy khai sinh con: Nguyễn - Thi - Anh - Đào 1969
- 1. Giấy khai sinh con: Nguyễn - Trung - T. S. 1970
- 1. Giấy khai sinh con: Nguyễn - Nhung - Hiếu 1976
- 1. Giấy khai sinh con: Nguyễn - E. B. Ph. - Phương 1973
- 1. Hôn thú số: 552

Chánh Phó' Hồ Chí Minh ngày 08.6.1990

Đón xin cho con được định cư tại nước thứ 3.

Lính gửi

Đoàn Đại sứ Hoa Kỳ,
Liên Hiệp Quốc
(U.N.H.C.R.)
Bangkok Thailand.

Coi kỹ tên dưới đây là :

Nguyễn Văn Bớt, sinh năm 1932, cựu
Công sát Viên chế độ cũ trước 1975, hiện
làm an ninh không biên; thường trú tại số 24/32
Bên Đường Dường Quận I TP. Hồ Chí Minh
Cấp trong để tên đến hình của
Quý Văn. Phòng an ninh chấp thuận cho
con tôi có tên dưới đây được phép được định
cư tại một nước thứ 3 :

- Họ và tên : Nguyễn Trung Bình

- Ngày sinh : 1970

- Nơi sinh : Saigon

- Họ tên cha : Nguyễn Văn Bớt

- Họ tên mẹ : Nguyễn Thị Gái

- Địa chỉ tại trại tập trung : BT 3231

L# 92 Pantitumkom P.O Box 18

Chon Buri Achara Thailand

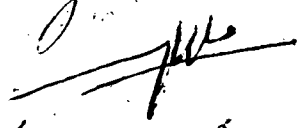
- Ngày đến trại tập trung : 02-1989

Nước đến

Vì lý do nhân đạo, hình của Quý
Văn. Phòng an ninh chấp thuận cho con tôi
là con của một Công sát Viên chế độ cũ
trước 1975 được phép định cư tại bất cứ
một nước thứ 3 nào. Để tiếp tục cuộc sống
mới, vì con tôi đã được tập trung tại Trại
Tập Trung Thailand đã trên một năm
nay mà vẫn chưa được xét cho định cư

Hình ảnh Exup-Vân - Phong nhận
nữ tây đi thành bình tri ân về tôi.

Người xin.


Nguyễn Văn Bô.



245 / 32 Bến Chương Dương
Quận 1 - TP. HCM.
VIETNAM

U N H C R OFFICE

Dear Sir ,

I - My name is NGUYEN VAN BO. Date of birth 1932
Before 1975 : Policeman
Residing at 245/32 Bến Chương Dương Quận 1 - TP. HCM
I'd like to submit this to request your consideration
about a particular case of my son to be resettled.
My son. NGUYEN TRUNG TRUC - 20 age.
Date of birth 6th Oct. 1970 in Vaj Gan City
He's residing at L # 92 Danat Mitkhom. P.O. BOX : 18
Chonburi 20140. THAILAND.

- In reason of humanity. truly I request your
kindness to consider about my son's resettlement.
As the matter of fact, to be concentrated in the
refugee camp over one year. but. so far he's not
interviewed by the delegation
With your authorities, to enable him to be resettled
in any the third country. That I'm looking forward
to hearing your reply
Your attention about my son would be appreciated
highly.

Respectfully Yours.

NGUYEN VAN BO

Ủy Ban Quân Quản
Thành Phố Sài Gòn - Gia Định

CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM
Độc Lập — Dân Chủ — Hòa Bình — Trung Lập

Số 000097/CN

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐÀ-HỌC TẬP CẢI TẠO



Họ và tên thật Nguyễn Văn Bô

Tên thường gọi không

Ngày sinh 15 - 06 - 1932

Quê quán Sài Gòn

Chỗ ở hiện tại 245/32 Bến Chương

đường

Bà căn cước

Cấp bậc Cảnh sát Viên

Chức vụ Công khai Bình chủng Cảnh sát đ

Đơn vị

ĐÀ-HỌC TẬP 25 NGÀY TẬP

Ngôn cái phải

Dấu riêng *Sưu biên được ở 5 km. V. P. 3 km.*

...id. 5. un. 4. 2. 3. 4. 5. 6. 7. 8. 9. 10. 11. 12. 13. 14. 15. 16. 17. 18. 19. 20. 21. 22. 23. 24. 25. 26. 27. 28. 29. 30. 31. 32. 33. 34. 35. 36. 37. 38. 39. 40. 41. 42. 43. 44. 45. 46. 47. 48. 49. 50. 51. 52. 53. 54. 55. 56. 57. 58. 59. 60. 61. 62. 63. 64. 65. 66. 67. 68. 69. 70. 71. 72. 73. 74. 75. 76. 77. 78. 79. 80. 81. 82. 83. 84. 85. 86. 87. 88. 89. 90. 91. 92. 93. 94. 95. 96. 97. 98. 99. 100. 101. 102. 103. 104. 105. 106. 107. 108. 109. 110. 111. 112. 113. 114. 115. 116. 117. 118. 119. 120. 121. 122. 123. 124. 125. 126. 127. 128. 129. 130. 131. 132. 133. 134. 135. 136. 137. 138. 139. 140. 141. 142. 143. 144. 145. 146. 147. 148. 149. 150. 151. 152. 153. 154. 155. 156. 157. 158. 159. 160. 161. 162. 163. 164. 165. 166. 167. 168. 169. 170. 171. 172. 173. 174. 175. 176. 177. 178. 179. 180. 181. 182. 183. 184. 185. 186. 187. 188. 189. 190. 191. 192. 193. 194. 195. 196. 197. 198. 199. 200. 201. 202. 203. 204. 205. 206. 207. 208. 209. 210. 211. 212. 213. 214. 215. 216. 217. 218. 219. 220. 221. 222. 223. 224. 225. 226. 227. 228. 229. 230. 231. 232. 233. 234. 235. 236. 237. 238. 239. 240. 241. 242. 243. 244. 245. 246. 247. 248. 249. 250. 251. 252. 253. 254. 255. 256. 257. 258. 259. 260. 261. 262. 263. 264. 265. 266. 267. 268. 269. 270. 271. 272. 273. 274. 275. 276. 277. 278. 279. 280. 281. 282. 283. 284. 285. 286. 287. 288. 289. 290. 291. 292. 293. 294. 295. 296. 297. 298. 299. 300. 301. 302. 303. 304. 305. 306. 307. 308. 309. 310. 311. 312. 313. 314. 315. 316. 317. 318. 319. 320. 321. 322. 323. 324. 325. 326. 327. 328. 329. 330. 331. 332. 333. 334. 335. 336. 337. 338. 339. 340. 341. 342. 343. 344. 345. 346. 347. 348. 349. 350. 351. 352. 353. 354. 355. 356. 357. 358. 359. 360. 361. 362. 363. 364. 365. 366. 367. 368. 369. 370. 371. 372. 373. 374. 375. 376. 377. 378. 379. 380. 381. 382. 383. 384. 385. 386. 387. 388. 389. 390. 391. 392. 393. 394. 395. 396. 397. 398. 399. 400. 401. 402. 403. 404. 405. 406. 407. 408. 409. 410. 411. 412. 413. 414. 415. 416. 417. 418. 419. 420. 421. 422. 423. 424. 425. 426. 427. 428. 429. 430. 431. 432. 433. 434. 435. 436. 437. 438. 439. 440. 441. 442. 443. 444. 445. 446. 447. 448. 449. 450. 451. 452. 453. 454. 455. 456. 457. 458. 459. 460. 461. 462. 463. 464. 465. 466. 467. 468. 469. 470. 471. 472. 473. 474. 475. 476. 477. 478. 479. 480. 481. 482. 483. 484. 485. 486. 487. 488. 489. 490. 491. 492. 493. 494. 495. 496. 497. 498. 499. 500. 501. 502. 503. 504. 505. 506. 507. 508. 509. 510. 511. 512. 513. 514. 515. 516. 517. 518. 519. 520. 521. 522. 523. 524. 525. 526. 527. 528. 529. 530. 531. 532. 533. 534. 535. 536. 537. 538. 539. 540. 541. 542. 543. 544. 545. 546. 547. 548. 549. 550. 551. 552. 553. 554. 555. 556. 557. 558. 559. 560. 561. 562. 563. 564. 565. 566. 567. 568. 569. 570. 571. 572. 573. 574. 575. 576. 577. 578. 579. 580. 581. 582. 583. 584. 585. 586. 587. 588. 589. 590. 591. 592. 593. 594. 595. 596. 597. 598. 599. 600. 601. 602. 603. 604. 605. 606. 607. 608. 609. 610. 611. 612. 613. 614. 615. 616. 617. 618. 619. 620. 621. 622. 623. 624. 625. 626. 627. 628. 629. 630. 631. 632. 633. 634. 635. 636. 637. 638. 639. 640. 641. 642. 643. 644. 645. 646. 647. 648. 649. 650. 651. 652. 653. 654. 655. 656. 657. 658. 659. 660. 661. 662. 663. 664. 665. 666. 667. 668. 669. 670. 671. 672. 673. 674. 675. 676. 677. 678. 679. 680. 681. 682. 683. 684. 685. 686. 687. 688. 689. 690. 691. 692. 693. 694. 695. 696. 697. 698. 699. 700. 701. 702. 703. 704. 705. 706. 707. 708. 709. 710. 711. 712. 713. 714. 715. 716. 717. 718. 719. 720. 721. 722. 723. 724. 725. 726. 727. 728. 729. 730. 731. 732. 733. 734. 735. 736. 737. 738. 739. 740. 741. 742. 743. 744. 745. 746. 747. 748. 749. 750. 751. 752. 753. 754. 755. 756. 757. 758. 759. 760. 761. 762. 763. 764. 765. 766. 767. 768. 769. 770. 771. 772. 773. 774. 775. 776. 777. 778. 779. 780. 781. 782. 783. 784. 785. 786. 787. 788. 789. 790. 791. 792. 793. 794. 795. 796. 797. 798. 799. 800. 801. 802. 803. 804. 805. 806. 807. 808. 809. 810. 811. 812. 813. 814. 815. 816. 817. 818. 819. 820. 821. 822. 823. 824. 825. 826. 827. 828. 829. 830. 831. 832. 833. 834. 835. 836. 837. 838. 839

for?

Số. ~~gồm~~ ngày ..23 tháng ... năm 1975

TM. ỦY BAN QUÂN QUẢN

Ban An Ninh Nội Chính

CÁC ĐĂNG-CHIẾM

CHÚ Ý : ~~Đang~~ xuất trình giấy chứng nhận này cho địa phương.

Đã học Nghiêm chỉnh chấp hành mọi chủ trương chính sách của chính quyền cách mạng.

đốt ~~đốt~~ Luôn luôn chú trọng giáo dục cho chính quyền nhân dân địa phương và tổ chức tiếp xúc tạo ra một phong cách thanh người

đến trước thềm Nhà Trắng
để phải chờ đợi các ngày đầu chính quyền và an ninh địa phương.

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ỦY BAN NHÂN DÂN C.M.
Quận
Phường (Xã)

BẢN SAO KHAI-SANH

Lập ngày 24 tháng 05 năm 1976

Họ tên	NGUYỄN TRUNG HIỆU
Trai hay gái	NAM
Ngày, tháng, năm sinh	Mười bốn tháng năm năm một ngàn chín trăm bảy mươi sáu
Nơi sinh	Bảo Định Bình Liên
Họ tên, quốc tịch cha	NGUYỄN VĂN BÒ (Việt Nam)
Họ tên, quốc tịch mẹ	NGUYỄN THỊ GÁI (Việt Nam)
Cha mẹ có hôn thú không	Có hôn thú

SAO LỤC

Thành phố HỒ CHÍ MINH, ngày 23 tháng 05 năm 1976

ỦY VIÊN HỘ TỊCH



Nguyễn Văn Bò

LỜI CHỈ-DẪN

I. - Lập tờ khai gia đình :

Khi cư ngụ ở một nơi quá 3 tháng thì phải lập tờ khai gia đình. Gia-Trưởng xin Khóm-Trưởng hoặc Ấp-Trưởng kiến thị vào tờ khai gia đình, rồi nộp cho Văn-phòng Phường hoặc Xã để kiểm nhận, kèm theo tờ khai thay đổi nơi cư trú.

II. - Khai thêm hay bớt tên trong tờ khai gia đình :

Khi có thêm hay bớt người trong gia đình thì phải khai báo để cập nhật-hóa tờ khai gia đình. Gia-trưởng xin Khóm-Trưởng hoặc Ấp-Trưởng kiến-thị vào tờ khai thêm hay bớt tên trong tờ khai gia đình, rồi nộp cho Văn-phòng Phường hoặc Xã để kiểm-nhận, kèm theo tờ khai gia đình (bản mẫu) và các giấy tờ chứng-minh (khai-sanh, khai-cử, tờ khai thay đổi nơi cư-trú v.v...).

III. - Khai tạm trú trong gia đình :

Khi có thân-nhân đến tạm trú trong gia đình, phải khai báo để ghi vào sổ vắng-lai.

a) Từ 1 đến 30 ngày : Gia-Trưởng nộp cho Khóm-Trưởng hoặc Ấp-Trưởng tờ khai xin tạm trú để xin kiến-thị kèm theo thẻ căn cước của người xin tạm trú, Khóm-Trưởng hoặc Ấp-Trưởng được quyền cho tạm trú tối đa 30 ngày.

b) Từ 1 đến 3 tháng : Gia-Trưởng xin Khóm-Trưởng hoặc Ấp-Trưởng kiến-thị vào tờ khai xin tạm trú, rồi nộp cho Văn-phòng Phường hoặc Xã để xin kiểm nhận kèm theo thẻ căn-cước của người xin tạm trú. Phường-Trưởng hoặc Xã-trưởng được quyền cho tạm trú tối đa 3 tháng.

hoặc phải xin ghi tên này lập tờ khai gia đình nơi cư ngụ mới.

CƯỚC-CHỦ : Khi thuê nhận người giúp việc, gia-trưởng cũng phải khai báo theo r trong a thể thức sau đây :

- Nếu đương sự giúp việc lâu dài, áp dụng thủ-tục khai thêm hay bớt tên trong tờ khai gia đình (Mục II).
- Nếu đương sự giúp việc tạm-thời áp-dụng thủ-tục khai tạm trú trong gia đình (Mục III).

IV. - Khai thay đổi nơi cư-trú :

Khi rời hẳn nơi cư ngụ cũ để đi nơi khác, thì phải khai báo thay đổi nơi cư trú để được ghi tên này lập tờ khai gia đình tại nơi cư ngụ mới. Đương sự xin Khóm-Trưởng hoặc Ấp-Trưởng kiến-thị vào tờ khai thay đổi nơi cư trú, rồi nộp cho Văn-phòng Phường hoặc Xã kèm theo tờ khai gia đình (bản mẫu). Phường-Trưởng hoặc Xã-Trưởng bởi tên đương sự trong tờ khai gia đình nơi cư ngụ cũ kiểm-nhận tờ khai thay đổi nơi cư-trú rồi giao cho đương sự 1 bản để nộp vào hồ-sơ khai gia đình tại nơi cư ngụ mới.

V. - Biện-pháp chế tài :

Gia-Trưởng có trách-nhiệm khai báo để cho tờ khai gia đình lúc nào cũng phù hợp với hiện tình nhân-số trong gia đình.

Những người không chịu khai báo, hay khai không thành thật (không kê việc khai gian trá có thể bị truy tố theo Hình-Luật), sẽ bị phạt vi-cảnh, chiếu điều 9 Nghị-định số 353-BNV/HC/LĐ ngày 30-6-1958 của Bộ Nội-Vụ vì không tuân lệnh của nhà chức-trách hành-chính, mà theo điều 491 của Bộ Hình-Luật mới ban hành, thì người nào vi phạm sắc-lệnh và Nghị-định hợp-pháp của chức quyền Hành-chính hay chức quyền Đô, Tỉnh, Thị sẽ bị phạt vạ từ 401\$00 đến 600\$00 và theo điều 494 tiếp tục ngoài hình phạt vạ, can-phạm còn có thể tùy trường-hợp, bị phạt giam từ 1 ngày đến 10 ngày nữa.

BAI LƯU PHƯƠNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

KHÊNH: 9. 22.03.66
ĐỒ (TỈNH THỊ) (Sai gòn)

TỜ KHAI GIA-ĐÌNH

Nhà số: 245/32

Đường: Đường Nguyễn Văn Bường - Sai gòn

Khóm (Ấp): (6) 9. Liền Nhà - 6

Phường (Xã): Phường 9

Quận: Phú Nhuận

Họ và tên Gia-Trưởng: Nguyễn Văn Bường

Sai gòn ngày 22 tháng 3 năm 1974

Chứng nhận có cho ở đậu (danh cho tờ khai của gia đình ở đậu) CHỦ NHÀ

GIA-TRƯỞNG (Ký tên) GAB

KIỂM NHẬN: KHÓM-TRƯỞNG (ẤP-TRƯỞNG) PHƯỜNG-TRƯỞNG (XÃ-TRƯỞNG)

TS: PHAN NGUYỄN VĂN GIỚI NGUYỄN VĂN GIỚI

Ở thành riêng để đóng dấu phân biệt tờ khai của chủ nhà này của người ở đậu.

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN (giả trường ghi trước)	Nam Nữ	Quốc tịch	Ngày, tháng, năm và nơi sinh	Nghề nghiệp	Số, ngày và nơi cấp thẻ căn cước	Liên hệ gia đình	CƯỚC CHỦ
1	Nguyễn Chu Giai	Nữ	V.N	1946 Sài Gòn	Đàn đờ	034.28628 Quân Nh ngày 19-2-1970, Q.1	Qua trường vở	
2	Nguyễn Văn Bò	Nam	V.N	1932 Sài Gòn	Học	00101328, Quân năm ngày 31-12-1968	Thông	
3	Nguyễn Thị Loan Thanh	Nữ	V.N	2-3-1967 Sài Gòn	Học Sinh	K.S. số 1903-B ngày 8-3-1967	Còn	
4	Nguyễn Thị Anh Đào	Nữ	V.N	26-1-1969 Sài Gòn	Học Sinh	K.S. số 1258-A ngày 26-1-1969	Còn	
5	Nguyễn Trung Đức	Nam	V.N	6-10-1970 Quận 4	Còn nhà	K.S. số 4367 ngày 6-10-1970	Còn	
6	Nguyễn Thanh Phương	Nam	V.N	2-11-1973 Quận 4	Còn nhà	K.S. số 1092 ngày 2-11-1973	Còn	Thẩm Sĩ 5, 6 Tr...
7	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	V.N	1976 Sài Gòn		K/S 1803		Thẩm Sĩ 5, 6 Tr...

nhập vào bộ hồ sơ
ngày 20/9/76



HUYỆN AN CẦN

S U V U L I N H

Chiều Thông-tư số 2-TTP/VP ngày 13.4.1960 ấn định thể
thực tuyển dụng những người am hiểu tình hình địa phương vào
giúp việc ngành Cảnh-Sát Quốc-Gia ;
Chiều biên bản phiên họp ngày 9.4.1960 của Ủy-Lưu Đình
Định Trung-Uống chấp thuận cho ngành Cảnh-Sát Quốc-Gia được gia
tăng nhân số theo chương trình ngũ niên ;
Chiều Nghị-dinh số 23-TBAN/HQ/ND ngày 11.7.66 của Tổng
Bộ An-Ninh ủy quyền Nha Tổng Giám-Đốc Cảnh-Sát Quốc-Gia duyệt ký
các sự-vụ-linh-tạm-tuyển ;

Các ứng viên có tên dưới đây này được thụ dụng vào
giúp việc ngành CSQG với tước vị CSV/PĐDH/CN (C1/1) :

1. Phô-An	(14.10.35)	đề thay thế 00. Đoàn-thị-Thiết, sa thải
2. Trần-quang-An	(8. 9.36)	- Huỳnh-Riá, "
3. Vu-văn-Bao	(1. 2.31)	- Ngô-văn-Liên, "
4. Nguyễn-văn-Bà	(15. 6.32)	- Vu-thị-Tuyết-Hai, "
5. Vu-văn-Bông	(11.10.30)	- Lê-văn-Chinh, không nhận việc
6. Vương-văn-Cầm	(20. 1.37)	- Mai-giánh-Viên, sa thải
7. Trần-kim-Cang	(17.11.37)	- Nguyễn-văn-Hai, "
8. Tăng-Châu	(13. 7.39)	- Lý-thiện-Tân, "
9. Nguyễn-văn-Chu	(5. 5.37)	- Phan-diệu-Chữ, "
10. Lý-Cự	(4. 7.35)	- Ksor-Dol, An
11. Nguyễn-bá-Đào	(20. 2.38)	- Y-Jo-Ya, "
12. Lê-minh-Điện	(27. 5.37)	- Trần-Cát, "
13. Nguyễn-thành-Điểm	(1. 2.40)	- Y-Pling-Mô, "
14. Lý-khai-Hoa	(1936)	- Lê-văn-Tiết, "
15. Trần-thái-Hòa	(7. 9.37)	- Huỳnh-Bá, "
16. Trần-văn-Hoan	(20. 5.37)	- Võ-ngọc-Mai, "
17. Lâm-thế-Hoàng	(7.10.37)	- Huỳnh-văn-Chú, "
18. Nguyễn-văn-Hợp	(8. 9.40)	- Đoàn-khiếu-Khang, "
19. Đàm-Huê	(8.12.36)	- Nguyễn-văn-Bá, "
20. Phan-bach-Huê	(23. 7.33)	- Phạm-kim-Tạnh, "
21. Bùi-viết-Khiên	(10.10.41)	- Kim-On, "
22. Nguyễn-Khôi	(5. 3.39)	- Trương-văn-Giỏi, "
23. Trương-văn-Lang	(5.12.42)	- Hạng-Phước, "
24. Nguyễn-triều-Lê	(30.12.38)	- Nguyễn-văn-Bé, "
tử Dương-Lang	(3. 2.42)	- Nguyễn-văn-Điện, "
25. Dương-bá-Lãnh	(5.10.40)	- Phan-văn-Hai, "
26. Huỳnh-thạch-Long	(1. 7.37)	- Nguyễn-văn-Nghị, "
27. Nguyễn-huỳnh-Luân	(5. 1.35)	- Nguyễn-văn-Tân, "
28. Nguyễn-phát-Minh	(27. 6.41)	- Trần-huê-Tâm, "
29. Nguyễn-văn-Minh	(4. 4.40)	- Võ-văn-Chi, "
30. Lợi-Mui	(2. 4.38)	- Hồ-văn-Bắc, "
31. Khuê-a-Mười	(21.12.36)	- Nguyễn-văn-Hai, "
32. Lê-văn-Nguyễn	(30. 6.37)	- Nguyễn-văn-Lâm, không nhận việc
33. Lê-văn-Nhiều	(1937)	- Ngô-thị-Mai, tử dịch
34. Trần-thái-Ng	(24. 6.41)	- Ngô-văn-Chơn, "
35. Võ-minh-Nhọc	(14. 7.35)	- Bùi-thị-Ngọc-Châu, "
36. Lưu-tân-Nghĩa	(1932)	- Phạm-thị-Thư-Nguyệt, "
37. Nguyễn-văn-Ngai	(1. 8.40)	- Trần-bach-Yên, "
38. Lê-văn-Ngô	(15. 8.35)	- Ngô-văn-Bé, "
39. Phan-bình-Nguơn	(22. 9.40)	- Lê-tiến-Dung, "
40. Nguyễn-văn-Nhuân	(13. 6.36)	- Hồ-quân-Loan, "
41. Huỳnh-kim-Oanh	(12. 4.39)	- Võ-phước-Thiên, "
42. Võ-thành-Phong	(5.12.40)	- Nguyễn-bình-Sinh, "
43. Nguyễn-văn-Phu	(1937)	- Phan-văn-Mạng, "
44. Nguyễn-hiệp-Phước	(1. 4.36)	- Nguyễn-thành-Tiến, "
45. Dương-Quan	(24. 8.40)	- Long-thị-Ngọc-Lan, "
46. Nguyễn-văn-Quí	(4. 6.30)	- Lương-văn-Phinh, "
47. Thân-văn-Ru	(1935)	- Tắc-thị-Bé, "
48. Lương-Sanh		

49. Võ-văn-Sĩ	(1937)	để thay thế	Trần-thị-Huyền-loa, từ dịch	
50. Hứa-văn-Số	(10.11.40)	"	- Nguyễn-thị-Ty-Lê	"
51. Võ-văn-Son	(5. 8.35)	"	- Lê-việt-Huộc, sa thải	"
52. Nguyễn-văn-Su	(1937)	"	- Lê-dinh-Sĩ	"
53. Diệp-tấn-Tài	(1.10.41)	CG	- Đoàn-việt-Hồng	"
54. Dương-văn-Tiền	(15. 6.38)	"	- Lê-Tài	"
55. Mã-kim-Tiền	(10. 7.40)	"	- Nguyễn-Chương	"
56. Phạm-văn-Tôn	(28.12.39)	"	- Phạm-văn-Vẽ	"
57. Nguyễn-văn-Tu	(14.10.41)	"	- Trần-Tôn	"
58. Nguyễn-quang-Tuyên	(21. 5.40)	"	- Nguyễn-Thành	"
59. Vũ-ngọc-Thái	(15. 8.35)	"	- Đỗ-Chánh	"
60. Trần-phước-Thắng	(3. 7.36)	"	- Hoàng-Tính	"
61. Phạm-văn-Thành	(15. 3.31)	"	- Phạm-văn-Huộc	"
62. Ngô-văn-Tiếp	(2. 3.39)	"	- Võ-văn-Tòng	"
63. Nguyễn-kế-Thiện	(17. 9.38)	"	- Lý-Dương	"
64. Tết-Thiên	(2. 8.39)	"	- Lê-trung-Hưng	"
65. Mai-ngọc-Thu	(8. 2.38)	"	- Nguyễn-văn-Tiên	"
66. Vũ-Trang	(1. 3.37)	"	- Nguyễn-Thu	"
67. Hoàng-trong-Trí	(27. 7.37)	"	- Nghiêm-tổ-Hà	"
68. Phạm-văn-Triệu	(8. 1.39)	"	- Lương-văn-Tổ	"
69. Võ-văn-Triệu	(1939)	"	- Dương-văn-Hà	"
70. Trần-Vân	(15. 2.38)	"	- Nguyễn-Hữu-Tốt	"
71. Nguyễn-dinh-Viện	(1939)	"	- Nguyễn-Hữu-Tốt	"
72. Quách-Viện	(12. 8.36)	"	- nhận việc	"
73. Nguyễn-tri-Vực	(5.11.41)	CG	- Nguyễn-văn-Dành, sa thải	"
74. Bùi-Xí	((1939))	"	- Trần-văn-Nhân	"

Nếu bất cứ vì lý gì mà sự tuyển dụng này không được chấp thuận, các đương-sự sẽ bị ngưng trả lương và thải nôi về điều kiện không cải bảo trước.

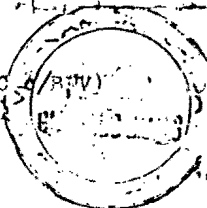
Sự-vụ-lệnh này có hiệu lực kể từ ngày các đương-sự chính thức nhận việc sau khi được duyệt ký.-

Kiểm-Soát Ước-Chi
Ngày 20.4.1968
Ký tên : Lương-văn-Đổng

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 1968
TƯ-LỆNG Trưởng Nội-vụ
ông Giám-Đốc Cảnh-sát Quốc-Gia
Ấn : Chuẩn-Đường Nguyễn-ngọc-Loan

Hội chấp

- Nha TGD/ov
- Nha TGDNS/NG.V
- BNV (Sở NV - Sở NSUC)
- " (NTGDSCG/NV/NT)
- Các đương-sự
- Lưu.-



Hành-Sự-Tư-Sở-Thân-Viên

Trưởng-Tá NG-CHƯƠNG

Ngh/24.4

BỘ CHỈ-HUY CSQG QUẬN 5
NGÀNH ĐẶC-BIỆT

Số: 053 /CS/Q5/G.Q3/H.Q3a/1

ƯU ĐÃI - ƯU ĐÃI

L

Chiều nhu cầu công-vụ :

Nay bổ sung các Hạ-Sĩ-Quan và Cảnh-Sát-Viên có tên dưới đây cho các H. và Toán chuyên môn thuộc G. Công-Tác Ngành Đặc-Biệt Quận 5 như sau :

H. Công-Tác Đặc-Biệt

- Thượng-Sĩ HUYNH-VAN-RI (09/03/34), 00096650.
- CSV/NN NGUYEN-VAN-TAY (02/03/40), 00144404.

H. Điều-Hợp

- Trung-Sĩ I NGUYEN-VAN-LOI (13/08/38), 00923364.

Lô III Phường Chợ-Quán

- Thượng-Sĩ LUONG-VAN-HUONG, Trưởng Lô III Phường Chợ-Quán thay thế CSV/NN NGUYEN-VAN-BO lãnh nhiệm-vụ khác.

Lô III Phường Nguyễn-Huỳnh-Dức

- CSV/NN TRAN-HUU-THÉ (02/01/40), 00898388 bổ sung cho Lô III Phường Nguyễn-Huỳnh-Dức thay thế CSV/NN NGUYEN-VAN-TAY lãnh nhiệm-vụ khác.

Lô V Phường Hồng-Bàng

- CSV/NN LE-VAN-BÉ (07/07/42), 00099421 bổ sung cho Lô V Phường Hồng-Bàng thay thế CSV/NN NGUYEN-VAN-MINH lãnh nhiệm-vụ khác.

Lô VI Phường Đồng-Khánh

- CSV/NN NGUYEN-VAN-BO (15/06/32), 00101328 bổ sung cho Lô VI Phường Đồng-Khánh thay thế Trung-Sĩ I NGUYEN-TAN-TUOI lãnh nhiệm-vụ khác.

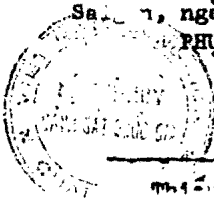
.-lệnh này có hiệu lực kể từ ngày ký.-

Sau 7, ngày 20 tháng 08 năm 1974

PHỤ-TÁ ĐẶC-BIỆT,

NƠI NHẬN :

- 0.2 + 0.3
- Các đương-sự



TH. 1. 1. T. NGUYEN-NGOC-TRAT

VIỆT-NAM CỘNG-HOA

BỘ NỘI-VU

NHA TỔNG GIÁM-ĐỐC
CẢNH-SÁT QUỐC-GIA

NHA CẢNH-SÁT QUỐC-GIA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

CHỨNG-CHỈ

TRUNG-TÂM HUẤN-LUYỆN CÁN-BẢN CẢNH-SÁT QUỐC-GIA
ĐÔ-THÀNH SAIGON



Chúng nhận O.

Nguyễn Văn Bô

đã dự khóa huấn-luyện III Cán-Bản Tỉnh-Páo

tại Trung-Tâm Huấn-Luyện Cán-Bản CSQG ĐÔ-THÀNH SAIGON.

khai giảng ngày 25 tháng 6 năm 1969 đến ngày 05

tháng 7 năm 1969 và đã được chấm đầu kỳ thi mãn khóa với 305 điểm

hạng *phù*

Chứng-chỉ số 1028 CSQT/ DVL

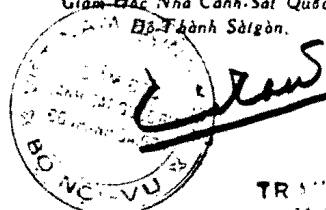
Chủ-Tịch

Hội-Đồng Giám-Khảo.

Ullman

Saigon ngày 10 tháng 7 năm 1969

Giám-Đốc Nha Cảnh-Sát Quốc-Gia và
Đô-THÀNH SAIGON.



TRƯỞNG CÁN
Thay mặt

LÊ-THÀNH-XUÂN

NAM-PHÂN

ĐÔ-THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chánh Quận Nhì

Số hiệu: 1450-A

*

Nh: 1254-A

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm bốn mươi chín (1949)

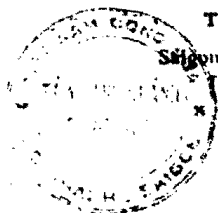
Tên, họ đứa nhỏ . . .	Nguyễn Thái Anh Hoa
Phái	Nh
Ngày sanh	Mười mười sáu tháng một, năm một ngàn chín trăm bốn mươi chín, tại Sài Gòn, 53 Co Giang
Nơi sanh	
Tên, họ người Cha . .	Nguyễn Văn Ho (con nhin đưa nhơ là con)
Tuổi	//
Nghề-nghiệp	//
Nơi cư-ngụ	//
Tên, họ người Mẹ . .	Nguyễn Thị桂 (con nhin đưa nhơ là con)
Tuổi	Mười mười ba
Nghề-nghiệp	nhà trư
Nơi cư-ngụ	Sài Gòn, 51 Co Giang
Vợ chánh hay thứ.	Đã được hợp pháp hóa do hôn thú hợp Định An, Bình Hòa ngày 21/6/1949.

Làm tại Saigon, ngày 1 tháng 2 năm 1969

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÍNH :

Sài Gòn, ngày 3 tháng 8 năm 1969

TL. QUẢN-TRƯỞNG QUẬN Nhì



TRƯỞNG-NHỮN XƯƠNG

THÀNH-PHỐ HỒ-CHÍ-MINH

ỦY-BAN NHÂN-DÂN

Quận, 4
Xã

BẢN-SAO KHAI-SANH

Số hiệu : 4367

Năm : 1970

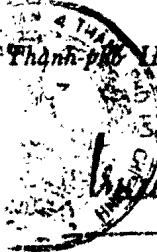
Lập ngày 09 tháng 10 năm 1970

Họ tên	Nguyễn trung Trực
Trai hay gái	Trai
Ngày, tháng, năm sanh	06 tháng 10 năm 1970 lúc 7h35
Nơi sanh	Sài Gòn, 115 Bến vắn Dồn
Họ tên, quốc tịch cha	Nguyễn văn Bô
Họ tên, quốc tịch mẹ	Nguyễn thị Gỏi

SAO LỤC

Thị trấn HO-CHÍ-MINH, ngày 26 tháng 08 năm 1970

ỦY VIÊN HỘ-TỊCH


Nguyễn Văn Bô

ỦY VIÊN HỘ-TỊCH

ANH - PHỐ HỒ-CHÍ-MINH

BAN NHÂN - DÂN C.M.

Điền
ường (Xã)

BẢN-SAO KHAI-SANH

Số hiệu : 1803

Năm : 1976

Lập ngày 24 tháng 05 năm 1976

Họ tên	NGUYỄN VĂN BỐ
Trai hay gái	NAM.
Ngày, tháng, năm sinh	Mười tám tháng năm năm một ngàn chín trăm bảy mươi sáu
Nơi sinh	Bảo an Bình Liên.
Họ tên, quốc tịch cha	NGUYỄN VĂN BỐ (Việt Nam)
Họ tên, quốc tịch mẹ	NGUYỄN THỊ GÁI (Việt Nam)
Cha mẹ có hôn thú không	Có hôn thú

SAO LỤC

Thành-phố HỒ-CHÍ-MINH, ngày 05 tháng 05 năm 1976

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

(Signature)

NAM-PHÂN
ĐÔ-THÀNH SAIGON
Bản số 2942
*

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ-TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm ba mươi hai (1932)

Tên, họ đứa nhỏ . . .	Nguyễn Văn Bô
Phái	masculin
Ngày sanh	le quinze Juin mil neuf cent trente deux à 23 h
Nơi sanh	Saigon, 197 quai de Belgique
Tên, họ người Cha . .	Nguyễn Văn Khên
Nghề-nghiep	ecclie
Nơi cư-ngụ	Saigon, quai de Belgique
Tên, họ người Mẹ . .	Trần thị Mai
Nghề nghiệp	sans profession
Nơi cư-ngụ	Saigon, quai de Belgique
Vợ chánh hay thứ . . .	premier rang

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÍNH:

Saigon, ngày 12 tháng 12 năm 1972

T.U.N. ĐÔ-TRƯỞNG SAIGON,
CHỦ SỰ PHÒNG HỘ-TỊCH



luh

KHÚC-THI VINH

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Bien-Hoa
 QUẬN Lê-An
 XÃ Bình-An

BẢN TRÍCH LỤC

XÃ Bình-An

BỘ HÔN-THỦ

Đã Kiểm Soát đúng trong bộ
 Nhân Viên Phụ Trách

Năm : 1969

SỐ HIỆU : 562

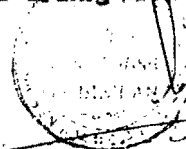
Người chồng : (Tên, họ)	NGUYỄN-VĂN-BỒ
Sinh tại :	Bãi-Oân
Sinh ngày :	15-6-1932
Cha chồng (Tên họ, sống chết phải nói)	Nguyễn-văn-Liên
Mẹ chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	Trần-Thị-Mai
Người vợ : (Tên, họ)	NGUYỄN-THỊ-GIAI
Vợ (chính hay thứ) :	Chính
Sinh tại :	Bãi-Oân
Sinh ngày :	15-12-1946
Cha vợ : (Tên họ, sống chết phải nói)	Nguyễn-văn-Vân (sống)
Mẹ vợ : (Tên họ, sống chết phải nói)	Nguyễn-Thị-Hy (sống)
Ngày cưới :	Ngày 21-6-1969

MIỄN-THỊ-TRUC
 H. TH. 3-11-1970
 SỐ 3-11-1970
 NGÀY 3-11-1970

TRÍCH Y BẢN CHÍNH NĂM 1969

Bình-An ngày 11 tháng 12 năm 1972

Xã-Trưởng Kiểm Ủy-Viện Hộ-Tịch



VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
TỐI-CAO PHÁP VIỆP

TRÍCH-LỤC ÁN PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ

ở TIỀN SAIGON

Ngày tháng năm 1969

Toà xử về việc

Số 3454.NĐ
NGUYỄN THỊ GÁI

Hồ trạng phiên nhóm công khai
ngày tháng năm 1969
gồm có các ông:

Án thư-vị khai-sinh cho

NGUYỄN VĂN HỒNG

Chánh Án: PH. I. UI

Biện-Lý: TR. V. T. TH

Lục-Sự:

đã lên bản án như sau

BẢN ÁN

TOA-ÁN

Chẩn theo đơn của Nguyễn văn Vân,

xuất án thư-vị khai-sinh cho con

BỚT CÁC LẺ ÁY.

Chứng nhận Nguyễn văn Vân, Nguyễn thị Mỹ nhìn Nguyễn Gái là con,

Phán rằng:

NGUYỄN THỊ GÁI, nữ,

sinh ngày 15.12.1946,

tại quận 2 Saigon,

con của Nguyễn văn Vân và Nguyễn

thị Mỹ./-

trở lại

Để chứng minh này thư-vị khai-sinh cho

Được ghi đoạn phán quyết này vào sổ khai-sinh dự-mục-niên

quận 2 Saigon

va được lên án này xo lý tờ khai-sinh gần nhất ngày 15.12.1946

Đính kèm

giữ lại lưu-trữ công-văn

va Phòng Lục-Sự Toà-Án sở tại

Được nhận đơn chấp hết-n phí

Án này đem xử và tuyên vào ngày, tháng và năm đã kê trên.

Ký tên: NGUYỄN VĂN HỒNG TRẦN VĂN NH

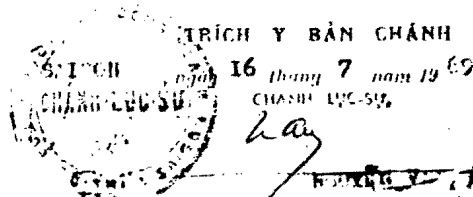
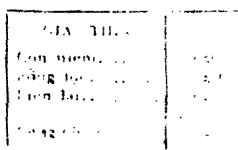
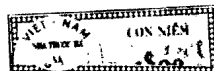
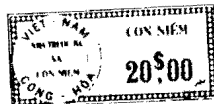
Trước-ba tại Phòng 3a (Saigon) ngày 15.12.69

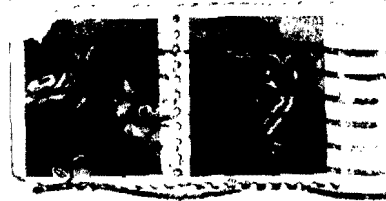
Quyền

Từ

Số 353.32

Thẩm





TO: families of vietnamese political
prisoners association.

JUL 23 1990

P.O. BOX 5485 arlington VA 22205 -

0635

U.S.A

